

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN BÙ ĐĂNG    Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2024

“V/: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Chín.

2. Bà Nguyễn Thị Lê .

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Vinh – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng không tham gia phiên tòa.**

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 231/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Dín Hìn Xuân H, sinh năm 1991

HKTT: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

**- Bị đơn:** Anh Hoàng Duy L, sinh năm 1990

HKTT: Thôn 7, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Thôn 8, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

*\* Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị D Hìn Xuân H trình bày:*

Chị và anh Hoàng Duy L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L nhậu nhẹt, say sưa, không tu chí làm ăn. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên

giải nhưng anh L không thay đổi, ngày càng bê tha hơn, thậm chí còn đánh đập chị. Vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Hiện nay, chị thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Hoàng Duy Minh N, sinh năm 2011 và Hoàng Thị Minh Q, sinh năm 2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cả 02 con chung cho đến khi thành niên. Không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Duy L trình bày:* Anh xác nhận về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng; anh và chị H có mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân từ hai phía chứ không phải là do mình anh. Hiện nay chị H yêu cầu giải quyết ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con và mong muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Xác nhận có 02 con chung là Hoàng Duy Minh N, sinh năm 2011 và Hoàng Thị Minh Q, sinh năm 2013. Trường hợp ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị Dín Hìn Xuân H và anh Hoàng Duy L tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 12/01/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L là hợp pháp.

Chị H và anh L chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Luân thường hay uống rượu say sưa, không tu chí làm ăn, mặc dù chị H đã khuyên giải nhưng anh L không thay đổi, thậm chí còn đánh đập chị H; chị H phải thuê nhà trọ và đưa các con ra sống ly thân từ tháng 10/2022 cho đến nay. Phía anh L xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn là do cả hai phía chứ không phải do mình anh, nên anh không đồng ý ly hôn và mong muốn được hòa giải đoàn tụ; Tuy nhiên, anh L không trình bày cho Tòa án biết nguyên nhân mâu thuẫn từ phía chị H là gì; Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L để tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do; Như vậy, bản thân anh L không tự chứng minh được trình bày của mình là có căn cứ, cũng như không có giải pháp nào để đoàn tụ gia đình



nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét. Tại phiên toà chị **H** vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh **L**, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** đối với anh **L**.

\* Về con chung: Chị **H** và anh **L** có 02 con chung là **Hoàng Duy Minh N**, sinh ngày 03/5/2011 và **Hoàng Thị Minh Q**, sinh ngày 24/7/2013. Nay chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi thành niên; anh **L** có ý kiến trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cả 02 con chung của anh **L** và chị **H** hiện do chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi anh **L** và chị **H** ly thân đến nay và nay đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị **H** được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

\* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** và anh **L** không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

\* Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147, 161, 218 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Dín Hìn Xuân H** đối với bị đơn **Hoàng Duy L**; Xử cho chị **D Hìn Xuân H** được ly hôn với anh **Hoàng Duy L**.

2. Về con chung: Giao cho chị **D Hìn Xuân H** tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là **Hoàng Duy Minh N**, sinh ngày 03/5/2011 và **Hoàng Thị Minh Q**, sinh ngày 24/7/2013 cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Đồng thời có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị **Dín Hìn Xuân H** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001364 ngày 16/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Bom Bo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

***(Đã ký)***

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Huệ**

